HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH LAI CHÂU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /2026/NQ-HĐND	*Lai Châu, ngày tháng năm 2026*

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT
Quy định nội dung và mức chi hoạt động thi kỹ năng nghề trên địa bàn tỉnh Lai Châu

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp số 124/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 93/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 552/QĐ-TCGDNN ngày 24 tháng 11 năm 2021 của Tổng cục giáo dục nghề nghiệp-Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc ban hành quy chế tổ chức, tham dự thi kỹ năng nghề quốc gia và huấn luyện đội tuyển quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ Tài chính về hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 63/2026/BTC ngày 05 tháng 6 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định nội dung và mức chi hoạt động thi kỹ năng nghề;

Xét Tờ trình số… /TTr-UBND ngày… tháng… năm 2026 của Ủy Ban nhân dân tỉnh đề nghị ban hành Nghị quyết quy định nội dung và mức chi hoạt động thi kỹ năng nghề trên địa bàn tỉnh Lai Châu; Báo cáo thẩm tra số …/BC-HĐND ngày… tháng… năm 2026 của Ban Văn hóa – Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định nội dung và mức chi hoạt động thi kỹ năng nghề trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

NGHỊ QUYẾT:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nội dung chi và mức chi liên quan đến các hoạt động tổ chức, tham dự thi kỹ năng nghề trong tỉnh (sau đây gọi là thi kỹ năng nghề) theo quy định của pháp luật về giáo dục nghề nghiệp.

Trường hợp các kỳ thi, cuộc thi kỹ năng nghề trong tỉnh có văn bản hướng dẫn riêng của cấp trên thì thực hiện theo quy định tại các văn bản hướng dẫn của kỳ thi, cuộc thi đó.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, đơn vị có hoạt động giáo dục nghề nghiệp và các cơ quan đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan đến tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chuẩn bị, tổ chức và tham dự thi kỹ năng nghề trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng

Mức chi tiền công cho các thành viên thực hiện các nhiệm vụ thi kỹ năng nghề do cấp tỉnh tổ chức, thực hiện theo Điều 4, Điều 5 của quy định này.

Điều 4. Nội dung và mức chi chung

Chi tổ chức các cuộc họp, hội thảo, hội nghị, phiên họp nhóm, họp báo; chi đi công tác để triển khai các hoạt động ở trong tỉnh phục vụ thi kỹ năng nghề: Thực hiện theo Nghị quyết số 67/2025/HĐND ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu quy định mức chi công tác phí, mức chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Chi mua nguyên, nhiên, vật liệu, hàng hoá, dịch vụ liên quan phục vụ thi và huấn luyện đội tuyển quốc gia; chi mua trang thiết bị, máy móc, dụng cụ trong trường hợp cần thiết; thuê địa điểm, mặt bằng tổ chức các hoạt động của thi kỹ năng nghề; thuê máy móc, trang thiết bị, dụng cụ và dịch vụ liên quan khác như vận chuyển, tháo dỡ, bốc dỡ, lắp đặt, khắc phục sự cố, đóng gói, địa điểm tập kết hàng hóa, kiểm định an toàn phục vụ thi kỹ năng nghề (nếu có): Thực hiện theo quy định của pháp luật về mua sắm, đấu thầu, giao nhiệm vụ, pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và quy định có liên quan.

Chi hoạt động thông tin, tuyên truyền; in ấn, nhân bản tài liệu, biểu mẫu; mua sắm văn phòng phẩm, phù hiệu, biển hiệu, hoa cài, bằng khen, giấy khen, giấy chứng nhận, khung kính, cờ lưu niệm, in giấy mời, chuyển phát nhanh và các nội dung liên quan khác (nếu có): Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện

hành về đấu thầu, giao nhiệm vụ.

Các nội dung phát sinh theo yêu cầu thực tế khác phục vụ thi kỹ năng nghề (nếu có): Nội dung và mức chi thực hiện theo định mức, đơn giá của các ngành có công việc tương tự và theo chứng từ chi thực tế hợp pháp được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong dự toán ngân sách.

Điều 5. Mức chi tiền công cho từng chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ thi

TT	Nội dung chi	Mức chi
1	**Ban tổ chức**	
a	Trưởng ban	280.000 đồng/người/ngày
b	Phó Trưởng ban	210.000 đồng/người/ngày
c	Ủy viên, Thư ký	175.000 đồng/người/ngày
2	**Tiểu Ban Thư ký**	
a	Trưởng Tiểu Ban	240.000 đồng/người/ngày
b	Phó Trưởng Tiểu Ban	210.000 đồng/người/ngày
c	Ủy viên	140.000 đồng/người/ngày
3	**Tiểu Ban ra đề thi**	
a	Trưởng Tiểu Ban	280.000 đồng/người/ngày
b	Phó Trưởng Tiểu Ban	210.000 đồng/người/ngày
c	Thư ký	180.000 đồng/người/ngày
d	Bảo vệ vòng trong (24h/ngày)	180.000 đồng/người/ngày
đ	Bảo vệ vòng ngoài	90.000 đồng/người/ngày
e	Ủy viên là người ra đề thi (xây dựng, biên soạn đề thi được tính theo mô đun, bao gồm cả hướng dẫn đánh giá,	700.000 đồng/mô đun/đề thi/nghề

	chấm điểm và biểu điểm (không quá 5 mô đun/đề thi/nghề)	
f	Uỷ viên phản biện đề thi (Các ý kiến góp ý, phản biên bằng văn bản cho một đề thi (không quá 03 lần tham gia ý kiến cho mỗi đề thi)	350.000 đồng/một văn bản góp ý kiến/đề thi;
g	Sao in, đóng gói, niêm phong đề thi theo số lượng đề sử dụng	20.000 đồng/đề thi.
4	**Tiểu Ban chấm thi/Giám khảo**	
a	Trưởng Tiểu Ban	240.000 đồng/người/ngày
c	Phó Trưởng Tiểu Ban	180.000 đồng/người/ngày
d	Thư ký, Kỹ thuật viên	170.000 đồng/người/ngày
đ	Ủy viên là người trực tiếp chấm thi (không quá 7 người/nghề)	25.000 đồng/mô đun/thí sinh/người chấm thi;
e	Nhân viên phục vụ, Công an, Bảo vệ	90.000 đồng/người/ngày
5	**Đoàn Kiểm tra/Giám sát**	
a	Trưởng đoàn	240.000 đồng/người/ngày
b	Phó Trưởng đoàn	210.000 đồng/người/ngày
c	Ủy viên, thư ký	140.000 đồng/người/ngày

Điều 6. Nguồn kinh phí thực hiện

- Nguồn kinh phí thực hiện được đảm bảo từ nguồn sự nghiệp giáo dục và đào tạo theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành.

- Nguồn tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; các nguồn vốn xã hội hóa, nguồn vốn huy động hợp pháp, nguồn thu khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát

việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 8. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày tháng 12 năm 2026.

2. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu khóa XVI, kỳ họp thứ ... thông qua ngày tháng 12 năm 2026./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Khoa học và Công nghệ, Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh uỷ;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường;
- Công báo tỉnh, Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Lê Minh Ngân